**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN KẾ SÁCH**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2018
V/v TC Không công nhận vợ chồng và nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2. Bà **Lưu Thị Tám**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đa –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Dũng**– Kiểm sát viên

Ngày 15/01/2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 343/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2017 về việc "Tranh chấp không công nhận vợ chồng và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Ông **Đinh Tấn L** sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông L chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện gần 20 năm, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Đinh Minh K, sinh ngày 21/6/1999, hiện nay đã trưởng thành, đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh; Đinh Thị Yến N, sinh ngày 15/3/2005, đang sống với mẹ. Do ông L làm có tiền chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo gì đến gia đình, nên vợ chồng thường xảy ra xung đột với nhau, do không chịu nổi cảnh sống như vậy nên bà T đem con về cha mẹ ruột ở và sống ly thân gần 02 năm nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Công nhận bà T và ông L không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Đinh Thị Yến N, sinh ngày 15/3/2005 không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Còn Đinh Minh K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện K 15.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông L trả 7.500.000 đồng, bà T trả 7.500.000 đồng.

Vào ngày 27/11/2017 bà T có đơn yêu cầu rút lại một phần đơn khởi kiện có nội dung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung mà bà và ông L đã vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đinh Tấn L trình bày: (Từ ngày Tòa án thụ lý vụ kiện cho đến nay ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, do đó Tòa án không thu thập được yêu cầu và nguyện vọng của ông L)

Ý kiến của Đinh Thị Yến N: Nếu cha mẹ cháu không còn chung sống với nhau, thì cháu N có yêu cầu được sống với mẹ là bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu công nhận bà T và ông L không phải là vợ chồng và yêu cầu được nuôi con chung với ông Đinh Tấn L tên Đinh Thị Yến N. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện: không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ chung 15.000.000 đồng mà bà T và ông L đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện K. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Đinh Tấn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đinh Tấn L và Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L chung sống với nhau gần 20 năm, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà T và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu Tòa án công nhận bà và ông L không phải là vợ chồng, còn ông L thì không thể hiện yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đồng thời phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ở đây bà T và ông L chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn, vì vậy quan hệ chung sống của bà T và ông L không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng mà chỉ được thừa nhận quan hệ chung sống của bà T và ông L là quan hệ chung sống như vợ chồng. Việc bà T yêu cầu công nhận bà T và ông L không phải là vợ chồng là có căn cứ, cần được chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, công nhận bà T và ông L không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung tên Đinh Minh K, sinh ngày 21/6/1999, đã trưởng thành và đã đi làm thuê; Đinh Thị Yến N, sinh ngày 15/3/2005, hiện đang sống với bà T. Bà T có yêu cầu nuôi con chung tên Đinh Thị Yến N. Cháu N có nguyện vọng sống với mẹ nếu bà T và ông L không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu N đã hơn 07 tuổi và có yêu cầu được sống với mẹ. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung của bà T và ông L tên Đinh Thị Yến N cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Đinh Tấn L cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung của bà T.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà T đã có đơn yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện có nội dung: không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện K 15.000.000 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội huyện K sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, nhưng Ngân hàng chính sách xã hội huyện K không có yêu cầu khởi kiện đối với số vốn 15.000.000 đồng mà bà T và ông L đã vay của Ngân hàng, cũng không có ý kiến gì đối với việc bà Nguyễn Thị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà T bà ông L còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện K 15.000.000 đồng. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc bà T rút một phần đơn khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành những quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung 15.000.000 đồng đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

**TUYÊN XỬ:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuyên bố bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Tấn L không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung của bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Tấn L tên Đinh Thị Yến N, sinh ngày 15/3/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Đinh Thị Yến N đến tuổi trưởng thành. Ông Đinh Tấn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông Đinh Tấn L cấp dưỡng nuôi con chung của bà T, do đó ông L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Tấn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện về việc không yêu cầu giải quyết về số nợ như đơn khởi kiện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ chung 15.000.000 đồng mà bà T và ông L đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009341 ngày 20/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã thu (bà T đã nộp án phí xong).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND, THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Lệ Thúy**